

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồ Cảnh

Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 210/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2022/QĐST ngày 28 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Lý Huyền M**, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: **Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh**.

Địa chỉ hiện nay: **O, H** - shi, **K**, 2 - chome 38 - ban 32 - 301 - go. Japan. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được hợp pháp hóa của **T3** tại **O - Nhật Bản**).

Bị đơn: Anh **Trần Đình T**, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: **Khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. Hiện đang trú tại: Nhật Bản. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Cao Thị T1**, sinh năm 1974. Địa chỉ: **Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh**. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2022 và bản tự khai (được hợp pháp hóa của **T3** tại **O - Nhật Bản**) của nguyên đơn chị **Trần Thị L Huyền M** trình bày:

Chị M và anh Trần Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở tự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 13/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với bố mẹ chồng tại khối V, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An; quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn nên đến năm 2016, sau khi sinh con chị M đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xã X, huyện N, huyện T sinh sống; đến năm 2019, chị M gửi con cho mẹ đẻ nuôi để đi du học tại Nhật Bản; năm 2020, anh T sang Nhật Bản lao động; cả hai đều ở Nhật Bản nhưng không sống chung với nhau và không liên lạc với nhau; do sống ly thân với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Đình T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Đình Minh N, sinh ngày 19/5/2016; nếu vợ chồng ly hôn chị M đề nghị giao con chung cho chị M nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Trần Đình T cấp dưỡng nuôi con chung.

Do chị M, anh T đang ở nước ngoài nên cháu Trần Đình Minh N đang được bà ngoại Cao Thị T1 quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị Lý Huyền M đang làm việc và sinh sống tại Nhật Bản. Ngày 08/7/2022, chị M có đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và ủy quyền cho bà Lê Thị Kim S nộp thủ tục ly hôn với anh Trần Đình T (ủy quyền được hợp pháp hóa của T3 tại Nhật Bản). Hiện nay chị M đang ở Nhật Bản đi lại vất vả khó khăn nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt chị M. Các văn bản tố tụng của Tòa án đề nghị gửi cho bà Lê Thị Kim S, sinh năm 1977. Địa chỉ: Lô A, KQH Đ, N đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An và bà S có trách nhiệm giao cho chị M.

Về phía anh Trần Đình T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng; thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu anh T có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án và gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T thông qua ông Trần Đình T2 và bà Trần Thị C (bố, mẹ đẻ anh T); thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì. Theo trình bày của ông T2, bà C thì anh T thỉnh thoảng điện thoại về cho gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ hiện tại ở đâu và anh T đã biết việc chị M làm đơn ly hôn tại Tòa án.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T1:

Bà Cao Thị T1 là mẹ đẻ của chị M; chị M và anh T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có 01 con chung là Trần Đình Minh N, sinh ngày 19/5/2016 và hiện nay đang do bà T1 quản lý, chăm sóc; bà T1 không yêu cầu không yêu cầu ông Hoangf chị M, anh T thanh toán tiền công chăm sóc cháu N từ trước đến nay. Hiện nay cháu N đang ở với bà T1, nếu Tòa án giao cho chị M nuôi dưỡng thì bà T1 cam kết sẽ quản lý, chăm sóc chu đáo cho đến khi chị M về nước và không yêu cầu tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh **T** hiện đang ở Nhật Bản nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền, nghĩa vụ của họ. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, theo ông **Trần Đình T2** và bà **Trần Thị C** (bố mẹ đẻ anh **T**) cung cấp thông tin hiện nay anh **T** đang ở Nhật Bản, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng anh **T** thỉnh thoảng gọi điện thoại về cho ông **T2**, bà **C** và đã biết được chị **M** xin ly hôn và không có ý kiến gì. Việc anh **T** vắng mặt được xác định là cố tình giấu địa chỉ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xử cho chị **M** được ly hôn với anh **T**.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trần Đình Minh N**, sinh ngày 19/5/2016; chị **M** yêu cầu nuôi con chung; anh **T** đang ở nước ngoài không liên lạc được; chị **M** cũng đang ở nước ngoài nhưng có địa chỉ rõ ràng. Vì vậy, giao cháu **Trần Đình Minh N** cho chị **M** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con do chị **M** không yêu cầu, anh **T** chưa có ý kiến nên chưa xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị **M** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **M** trình bày anh **T** đang ở Nhật Bản nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh tại người thân của anh Thế là ông **Trần Đình T2** và bà **Trần Thị C** (bố, mẹ anh **T**) thì được cung cấp anh **T** hiện nay đang ở Nhật Bản thỉnh thoảng gọi điện thoại về cho ông **T2**, bà **C**. Ngày 05/9/2022, **Cục Q** có công văn số 18484/QLXNC(P5) cung cấp thông tin anh **Trần Đình T** xuất cảnh lần cuối ngày 16/10/2020 qua **cửa khẩu sân bay Quốc tế N1**, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do anh **T** trước khi xuất cảnh có địa chỉ cuối cùng tại **phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An** và hiện nay đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông T2, bà C (bố, mẹ anh T) cung cấp hiện nay anh T đang ở Nhật Bản nhưng không biết địa chỉ cụ thể; anh T vẫn gọi điện thoại về cho ông T2, bà C và đã biết được chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng anh T không có ý kiến gì. Như vậy, anh T đã biết được chị M yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ và vắng mặt là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Căn cứ Điều 207; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh Thế 1 tự nguyện và hợp pháp; chị M trình bày quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và hiện nay không còn chung sống với nhau một thời gian dài dẫn đến tình cảm không còn. Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh T mục đích không đạt được nên giải quyết cho chị Trần Thị L Huyền M và anh Trần Đình T được ly hôn là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đình Minh N, sinh ngày 19/5/2016; chị M yêu cầu nuôi con, anh T đang ở nước ngoài không liên lạc được. Do đó, giao con chung Trần Đình Minh N, sinh ngày 19/5/2016 cho chị Trần Thị L Huyền M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M chưa yêu cầu, anh T chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Việc quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Bà Cao Thị T1 (mẹ đẻ chị M) đang là quản lý, chăm sóc cháu Trần Đình Minh N trong thời gian chị M, anh T đi vắng. Bà T1 không yêu cầu chị M, anh T phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N từ trước đến nay. Hiện nay bà T1 vẫn tự nguyện cam kết quản lý, chăm sóc cháu N trong thời gian chị M chưa có điều kiện trực tiếp nuôi con, chị M đồng ý. Vì vậy, chấp nhận sự tự nguyện chăm sóc, quản lý của bà T1 đối với con chung của chị M, anh T.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Lý Huyền M không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Trần Đình T vắng mặt chưa có ý kiến nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Lý Huyền M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 37; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị **Trần Thị L Huyền M** được ly hôn với anh **Trần Đình T**.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung **Trần Đình Minh N**, sinh ngày 19/5/2016 cho chị **Trần Thị L Huyền M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị **Trần Thị Lý Huyền M** chưa yêu cầu anh **Trần Đình T** cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà **Cao Thị T1** nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Trần Đình Minh N**, sinh ngày 19/5/2016 trong thời gian chị **Trần Thị L** Huyền My chưa có điều kiện trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị **Trần Thị L Huyền M** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012007, ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị **M** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị **Trần Thị Lý Huyền M** và bị đơn anh **Trần Đình T** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Cao Thị T1** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND p Đ, tp V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh

